

# THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC TRONG 10 NĂM QUA (2012-2021)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA\*

*Tóm tắt:* Bài viết sử dụng thống nhất số liệu thống kê của phía Trung Quốc, đặt thương mại nông sản Việt - Trung trong tổng thể thương mại nông sản của Trung Quốc và trong tương quan so sánh với các nước ASEAN để phân tích, đánh giá về thực trạng nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 10 năm qua (2012-2021) như tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu, các mặt hàng nông sản xuất nhập khẩu chủ yếu... giữa hai nước. Bài viết so sánh thương mại nông sản của Trung Quốc và Việt Nam với Thái Lan, nước xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc lớn nhất trong khu vực để thấy điểm mạnh và điểm yếu của Việt Nam trong cạnh tranh ở một số sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực trên cùng một thị trường.

*Từ khóa:* Thương mại nông sản Việt - Trung, quan hệ kinh tế thương mại, xuất nhập khẩu, Trung Quốc - Việt Nam

**T**hương mại nông sản là một trong những lĩnh vực quan trọng trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc kể từ khi bình thường hóa đến nay bởi hai nước đều là nước nông nghiệp, đều hết sức coi trọng công tác nông nghiệp, nông dân, nông thôn, có lợi thế về địa lý trong xuất nhập khẩu bằng cả đường biển và qua cửa khẩu trên biên giới đất liền. Các nghiên cứu của Việt Nam thường sử dụng số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, hoặc sử dụng hỗn hợp số liệu từ nhiều nguồn để phân tích, đánh giá về thực trạng xuất nhập khẩu nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc. Để có thêm góc nhìn về thương mại nông sản Việt - Trung, đặt thương mại nông sản với Việt Nam trong tương quan so sánh với thương mại nông sản nói chung của Trung Quốc và với các nước ASEAN, bài viết sử dụng thống nhất số liệu thống kê của phía Trung Quốc để phân tích, nhận xét, đánh giá. Trong đó, số liệu kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Việt Nam bài viết lấy từ thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Số liệu về xuất nhập khẩu nông sản giữa hai nước, bài viết lấy từ *Báo cáo thống kê xuất nhập khẩu nông sản Trung Quốc tháng 12* hàng năm của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc được công bố vào khoảng cuối quý I đầu quý II của năm sau<sup>(1)</sup>. Báo cáo thống kê xuất nhập khẩu nông sản này bao

\* TS. Viện Nghiên cứu Trung Quốc

gồm tổng quan về tình hình xuất nhập khẩu nông sản trong năm của Trung Quốc như tổng kim ngạch, tình hình xuất khẩu, nhập khẩu theo phân loại mặt hàng, 3 thị trường xuất khẩu, nhập khẩu hàng đầu của các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu, tình hình xuất nhập khẩu nông sản chia theo quốc gia, vùng lãnh thổ...

Để có cái nhìn tương đối đầy đủ và toàn diện về vấn đề nghiên cứu, bài viết khái quát về thương mại nói chung giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 10 năm qua (2012-2021); phân tích, đánh giá sự tăng trưởng của thương mại nông sản, các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu... giữa hai nước trong tổng thể thương mại nông sản của Trung Quốc và trong tương quan so sánh với các nước ASEAN, so sánh với thương mại nông sản của Trung Quốc với Thái Lan, nước xuất khẩu nông sản lớn nhất trong khu vực đối với Trung Quốc.

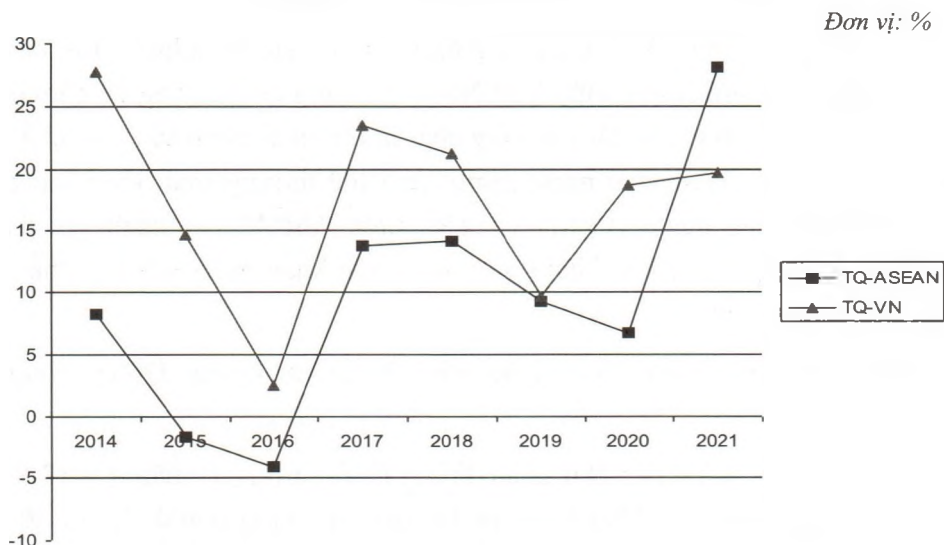
### **1. Khái quát về thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 10 năm (2012-2021)**

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 10 năm (2012-2021), kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc tăng hơn 4 lần, từ 50,4 tỷ USD lên 230,2 tỷ USD, trong đó xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam từ 34,2 tỷ USD lên 137,9 tỷ USD, nhập khẩu từ 16,2 tỷ USD lên 92,2 tỷ USD<sup>(2)</sup> (số liệu này có sự chênh lệch khá lớn so với thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, chúng tôi xin được bàn về sự chênh lệch này vào một dịp khác).

Kim ngạch thương mại Việt - Trung trong các năm hầu hết tăng trưởng ở mức hai con số, riêng năm 2016 và 2019 có mức tăng trưởng thấp hơn, lần lượt là 2,5% và 9,6% nhưng vẫn cao hơn mức tăng trưởng chung của thương mại giữa Trung Quốc với cả khối ASEAN. Tương ứng với đó, xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam cũng tăng trưởng ở mức cao, như năm 2013 tăng 42,1%, chỉ có năm 2015, 2016 tăng trưởng ở mức thấp, lần lượt là 3,8% và -7,4% (tuy nhiên vẫn cao hơn mức xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN, lần lượt là 2% và -7,7%) (xem Biểu 1). Nhập khẩu từ Việt Nam của Trung Quốc có mức tăng trưởng không ổn định, có năm tăng tới 46% (năm 2012) nhưng có năm chỉ tăng 4,1% (năm 2013) và 0,3% (năm 2019). Có thể thấy, thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc có mức tăng trưởng nhanh, luôn cao hơn so với mức tăng trưởng của khối ASEAN, trong đó xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam tăng trưởng cao, còn nhập khẩu từ Việt Nam của Trung Quốc lại có mức tăng trưởng không ổn định. Tương ứng với tốc độ tăng trưởng nhanh, thương mại của Trung Quốc với Việt Nam chiếm tỉ trọng ngày càng lớn trong thương mại của Trung Quốc với cả khối ASEAN. Xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam chiếm khoảng 1/3 xuất khẩu của Trung Quốc sang toàn khối ASEAN, còn nhập khẩu từ Việt

Nam ở mức xấp xỉ ¼. Thương mại nông sản Việt - Trung có phát triển cùng chiều với thương mại nói chung giữa hai nước hay không?

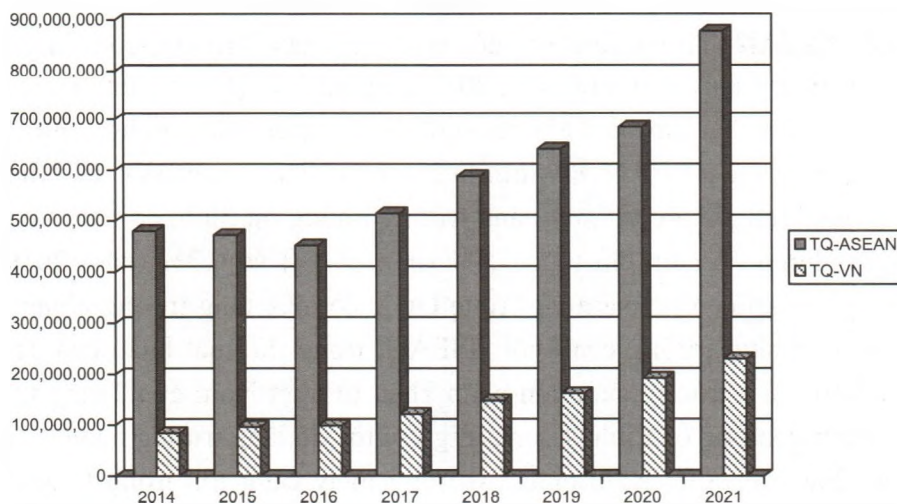
**Biểu 1: Tăng trưởng xuất nhập khẩu giữa Trung Quốc và các nước ASEAN (2014-2021)**



*Nguồn:* Tác giả lập theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, <http://www.customs.gov.cn/customs/302249/302274/302277/3250485/index.html>

**Biểu 2: Kim ngạch xuất nhập khẩu Trung Quốc - ASEAN và Trung Quốc - Việt Nam (2014-2021)**

Đơn vị: 1000 USD



*Nguồn:* Tác giả lập theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, <http://www.customs.gov.cn/customs/302249/302274/302277/3250485/index.html>

## 2. Xuất nhập khẩu nông sản của Trung Quốc với Việt Nam

Theo thông kê trong *Báo cáo thống kê xuất nhập khẩu nông sản Trung Quốc* của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc nêu trên, xuất nhập khẩu nông sản của Trung Quốc có 27 nhóm hàng gồm: (1) động vật sống; (2) thịt và nội tạng; (3) gia cầm và nội tạng; (4) thủy, hải sản; (5) sữa, trứng, mật ong và các loại thực phẩm khác; (6) sản phẩm động vật khác; (7) thực vật và hoa; (8) rau; (9) quả và hạt ăn được; (10) cà phê, chè và hương liệu; (11) ngũ cốc; (12) sản phẩm công nghiệp xay xát; (13) hạt có dầu, cây công nghiệp hoặc dược liệu, rơm, rạ và thức ăn chăn nuôi; (14) chất lỏng và nước trái cây; (15) nguyên liệu dệt từ thực vật; (16) dầu động, thực vật và các sản phẩm phân giải khác; (17) sản phẩm thịt; (18) thủy sản; (19) đường và bánh kẹo; (20) ca cao và các sản phẩm từ ca cao; (21) ngũ cốc, bột ngũ cốc, sản phẩm tinh bột, bánh ngọt; (22) rau, trái cây, hạt và các sản phẩm khác; (23) thực phẩm khác; (24) đồ uống, rượu và giấm; (25) phế phẩm và chất thải từ ngành công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi chế biến sẵn; (26) thuốc lá và các sản phẩm của nó; (27) nông sản phẩm khác.

Báo cáo thống kê 30 mặt hàng nông sản xuất khẩu chính của Trung Quốc gồm: chè, ruột sấy (làm vỏ lạp xưởng), gạo, tỏi, bột đậu nành, nước sốt cà chua đóng hộp, mật ong, cam quýt, lạc nhân, thịt gà, chế phẩm từ thịt gà, lươn nướng, măng tây đóng hộp, bông, nấm đóng hộp, mực nang và mực, táo, nước hoa quả, đường, măng luộc, sản phẩm tôm, lúa mì, cây thuốc lá, lông vũ, ngô, dầu thực vật, thuốc lá, thuốc đông y, thịt lợn, lông lợn.

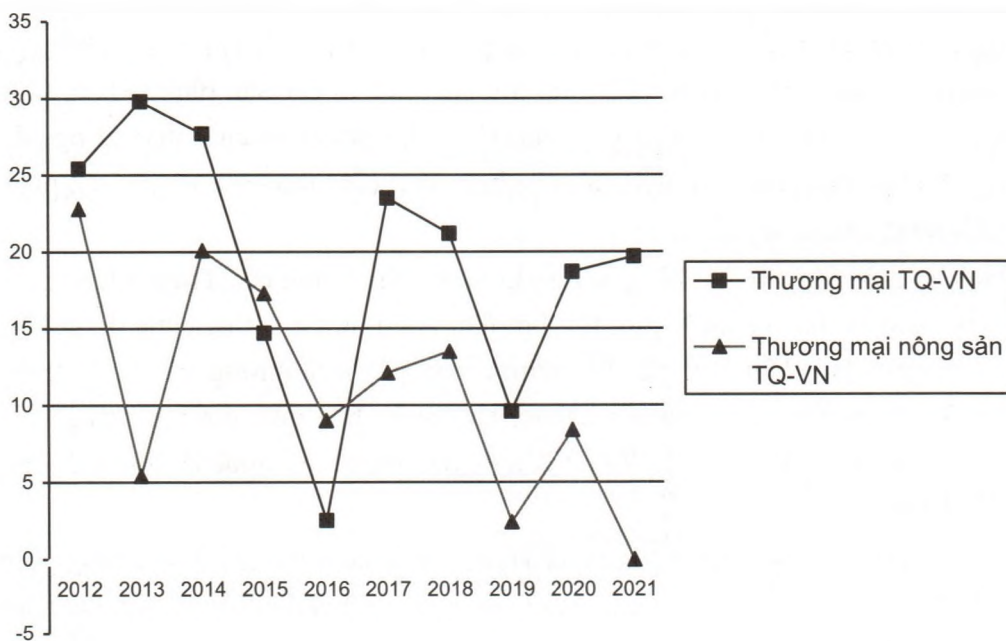
Hàng nông sản nhập khẩu chính của Trung Quốc có khoảng 20 mặt hàng gồm: dầu hạt cải, đậu tương, thóc và gạo, cá đông lạnh, bánh và bột đậu nành, dầu đậu nành, thịt gà và sản phẩm phụ của nó, bông, thịt bò và sản phẩm phụ của nó, thức ăn chăn nuôi công thức, bột cá làm thức ăn gia súc, đường, quả tươi, khô và hạt, lúa mì, lông cừu, thịt cừu và các sản phẩm phụ của nó, ngô, thịt lợn và các sản phẩm phụ của nó, dầu cọ, cao su thiên nhiên bao gồm cả mủ cao su, da bò và da ngựa, gỗ khúc, gỗ xẻ, bột giấy.

Từ năm 2012-2021, kim ngạch thương mại nông sản của Trung Quốc với Việt Nam tăng hơn gấp đôi, từ 4,134 tỷ USD lên 9,477 tỷ USD và có xu hướng tăng trưởng không ổn định, ví dụ năm 2012 tăng 22,8% nhưng năm 2013 chỉ tăng 5,4% và đến năm 2014 lại tăng ở mức 20,1%; tương tự năm 2018 tăng 13,5% nhưng năm 2019 chỉ tăng 2,42% và đến năm 2021 là -0,015%. Mức tăng trưởng này thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng chung của thương mại giữa hai nước (cùng kỳ thương mại giữa hai nước tăng gấp 4 lần như đã nói trên), cá biệt có năm mức tăng trưởng có sự chênh lệch lớn, thể hiện chiều hướng ngược nhau như năm 2013 thương mại hai nước tăng

trường ở mức cao 29,8% thì xuất nhập khẩu nông sản chỉ tăng 5,4%, thấp hơn nhiều so với năm 2012, năm 2019 lần lượt là 9,6% và 2,43%; năm 2021 xu thế đối lập rõ rệt, thương mại hai nước tăng trưởng đi lên thì thương mại nông sản lại tăng trưởng âm. Tuy nhiên, cũng có một số năm thương mại nông sản có mức tăng cao hơn thương mại Trung - Việt như năm 2015, 2016, lần lượt là 17,3% và 14,7%, 9,08% và 2,5% (xem biểu đồ 3).

**Biểu 3: Tăng trưởng thương mại Trung Quốc - Việt Nam và thương mại nông sản Trung Quốc - Việt Nam (2012-2021)**

Đơn vị: %



*Nguồn:* Tác giả lập theo số liệu thương mại của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (<http://www.customs.gov.cn/customs/302249/302274/302277/3250485/index.html>) và số liệu về thương mại nông sản của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc (<http://wms.mofcom.gov.cn>)

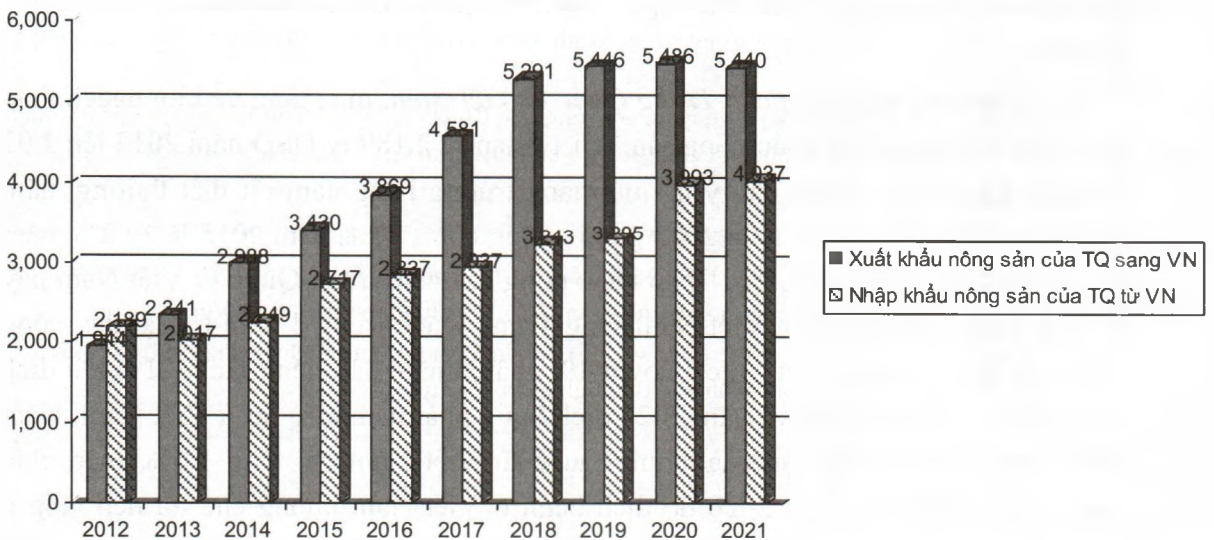
Mặc dù Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong các nước ASEAN nhưng đến năm 2021 kim ngạch thương mại nông sản của Trung Quốc với Việt Nam chỉ đứng thứ hai (9,477 tỷ USD), sau Thái Lan (16,51 tỷ USD), mức tăng trưởng thấp hơn nhiều so với một số nước trong khu vực. Từ năm 2012-2021, kim ngạch thương mại nông sản của Trung Quốc với Campuchia tăng cao nhất với 12,4 lần (từ 53,8 triệu USD lên 668,47 triệu USD), Lào 4,3 lần (từ 57,6 triệu USD lên 249,7 triệu USD), Myanmar 3,7 lần (từ 335,48 triệu USD lên 1,255 tỷ USD)<sup>(3)</sup>.

Kim ngạch thương mại nông sản với Việt Nam chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng xuất nhập khẩu nông sản của Trung Quốc, năm 2012 là 2,37% (173,95 tỷ USD và 4,134 tỷ USD), năm 2021 là 3,1% (304,1 tỷ USD và 9,477 tỷ USD)<sup>(4)</sup>, đồng thời cũng chiếm tỉ trọng nhỏ trong thương mại Trung - Việt và có chiều hướng giảm trong 10 năm qua, năm 2012 là 8,2% (50,4 tỷ USD và 4,134 tỷ USD), các năm tiếp chỉ ở mức trên dưới 5%, năm 2021 giảm xuống còn 4,1% (230,2 tỷ USD và 9,477 tỷ USD). Mặc dù vậy thương mại nông sản với Việt Nam chiếm tỉ lệ tương đối lớn, đứng thứ hai trong thương mại nông sản của Trung Quốc với ASEAN với khoảng 22%, còn Thái Lan đứng thứ nhất chiếm 28%.

Cũng như thương mại Việt - Trung nói chung, trong thương mại nông sản, Trung Quốc là nước xuất siêu và mức xuất siêu vẫn tiếp tục gia tăng (xem biểu 4). Theo số liệu thống kê của Trung Quốc, năm 2012, Trung Quốc là nước nhập siêu nông sản từ Việt Nam với trị giá 244,66 triệu USD (Trung Quốc xuất khẩu 1,944 tỷ USD, nhập khẩu 2,189 tỷ USD) nhưng từ năm 2013 đến nay, Trung Quốc liên tục xuất siêu nông sản sang Việt Nam, năm 2013 là 324,534 triệu USD, năm 2019 cao nhất với mức 2,151 tỷ USD, năm 2021 giảm xuống còn 1,4 tỷ USD<sup>(5)</sup>. Tổng kim ngạch xuất siêu nông sản của Trung Quốc với Việt Nam 10 năm qua là 11,3 tỷ USD.

**Biểu 4: Kim ngạch xuất nhập khẩu nông sản của Trung Quốc với Việt Nam (2012-2021)**

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: Tác giả lập dựa trên số liệu thống kê xuất nhập khẩu nông sản hàng năm của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc, <http://wms.mofcom.gov.cn>

So sánh với các nước trong khu vực, hiện nay, Trung Quốc chỉ xuất siêu nông sản với các nước Đông Nam Á hải đảo gồm Malaysia, Singapore, Philippines (trừ Indonesia) còn nhập siêu với hầu hết các nước Đông Nam Á lục địa, gồm Campuchia, Myanmar, Thái Lan, Lào. Có thể nói, Việt Nam là nước Đông Nam Á lục địa lớn duy nhất nhập siêu nông sản từ Trung Quốc, còn Indonesia là nước Đông Nam Á hải đảo duy nhất xuất siêu nông sản sang Trung Quốc. Cụ thể, Trung Quốc nhập siêu nông sản với Indonesia liên tục từ 2012 đến nay, năm 2021 là 6,88 tỷ USD; với Campuchia liên tục từ năm 2014 đến nay, mức nhập siêu năm 2021 là 297,5 triệu USD; với Lào liên tục từ năm 2012 đến nay, năm 2021 là 144,6 triệu USD; với Myanmar bắt đầu từ năm 2021; với Thái Lan cũng liên tục từ năm 2012 đến nay, năm 2021 là 7,24 tỷ USD, nhập khẩu nông sản của Trung Quốc từ Thái Lan năm 2021 lần đầu tiên vượt mốc 10 tỷ USD (11,87 tỷ USD)<sup>(6)</sup>.

Về xuất khẩu nông sản của Trung Quốc sang Việt Nam, từ năm 2012-2021, kim ngạch tăng khoảng 2,8 lần từ 1,944 tỷ USD lên 5,44 tỷ USD, cao hơn mức tăng của kim ngạch thương mại nông sản Trung - Việt nói chung. Xuất khẩu nông sản của Trung Quốc sang Việt Nam chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 rõ rệt, khi 3 năm (2019-2021) có mức tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây, lần lượt là 2,9%, 0,7% và -0,8% (ngoài ra còn có năm 2012 là tăng trưởng âm với -6,4%), thuộc nhóm nước có mức tăng trưởng thấp nhất trong khối ASEAN (ngoài ra năm 2019 còn có Brunei -18,9%, Lào -20,3%, Philippines -0,7%; năm 2020 có Indonesia -10,9, Lào -24,5%).

Về nhập khẩu nông sản của Trung Quốc từ Việt Nam, mức tăng về kim ngạch thấp hơn mức tăng của xuất khẩu nông sản, với 1,8 lần từ 2,189 tỷ USD năm 2012 lên 4,03 tỷ USD năm 2021. Đáng chú ý là, mức tăng trưởng hàng năm rất thất thường, năm 2012 tăng tới 70% nhưng năm 2013 giảm xuống còn -7,9%, năm 2015 là 20,8%, năm 2016 còn 4,4%, 2017 là 3,5%. Nhập khẩu nông sản của Trung Quốc từ Việt Nam hay là xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc trong 3 năm trở lại đây cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, nhất là năm đầu tiên (năm 2019) khi dịch bùng phát ở Trung Quốc và năm 2021 dịch bùng phát mạnh trở lại ở Việt Nam. Năm 2019, nhập khẩu nông sản của Trung Quốc từ Việt Nam chỉ tăng 1,6%, thấp nhất trong khối ASEAN. Năm 2020 do dịch bệnh ở Việt Nam khống chế tốt nên tăng ở mức cao 21,2%, tuy mức này vẫn thấp hơn nhiều so với Lào (40,3%), Campuchia (42,2%), Myanmar (32,9%) nhưng cao hơn so với nhiều nước khác như Brunei (-64,5%), Philippines (-20%), Indonesia (-0,5%). Năm 2021 dịch bệnh bùng phát ở Việt Nam, các cửa khẩu biên giới phải đóng cửa nhiều tháng liền nên nhập khẩu nông sản

của Trung Quốc từ Việt Nam chỉ tăng 1,1%, trong khi với Thái Lan là 52%, Indonesia 61%, Brunei 74,3%<sup>(7)</sup>.

### **3. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu giữa Việt Nam và Trung Quốc**

Trong 30 mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc như đã nêu trên, Việt Nam là một trong ba thị trường xuất khẩu lớn của nhiều mặt hàng và số lượng các mặt hàng này tăng lên trong những năm gần đây. Ví dụ năm 2012, Việt Nam mới chỉ là một trong ba thị trường xuất khẩu lớn của 4 mặt hàng là gạo (9422,7 tấn), bột đậu nành (264.476,9 tấn), cam quýt (là thị trường xuất khẩu lớn nhất mặt hàng này của Trung Quốc với 235.155,4 tấn), măng luộc (2332,8 tấn). Năm 2013 tăng lên 5 mặt hàng gồm gạo, bột đậu nành, bông, măng luộc và ngô, năm 2014 là 10 mặt hàng gồm gạo, tỏi, bột đậu nành, cam quýt, bông, nấm đóng gói, táo, măng luộc, lông vũ, ngô. Từ đó đến nay, các năm đều duy trì khoảng từ 8-10 mặt hàng như chè, tỏi, cam quýt, lạc hạt, bông, nấm đóng gói, táo, lông vũ, ngô.

Theo thời gian, các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc sang Việt Nam có sự thay đổi. Nếu như từ năm 2011-2015, Việt Nam luôn là một trong ba thị trường xuất khẩu chủ yếu của gạo, bột đậu nành thì những năm sau đó được thay bằng một số mặt hàng khác như nấm (từ năm 2017), lông vũ (từ năm 2014), chè (từ năm 2016).

Nhưng bên cạnh đó, trong 10 năm qua, Việt Nam là một trong ba thị trường xuất khẩu chính của một số mặt hàng nông sản Trung Quốc liên tục nhiều năm liền như tỏi và lông vũ (8 năm liền từ năm 2014-2021), cam quýt (9 năm trừ năm 2013), bông (trừ năm 2012 và 2016), ngô (trừ năm 2012 và 2015), táo (trừ năm 2013 và năm 2016). Hơn thế nữa, có một số mặt hàng Việt Nam luôn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Trung Quốc, ví dụ liên tục từ năm 2014 đến nay, xuất khẩu cam quýt sang Việt Nam đạt mức khoảng 20% tổng cam quýt xuất khẩu trong năm của Trung Quốc, hai năm trở lại đây còn chiếm đến gần 1/3 (xem bảng 1). Ngoài ra, Việt Nam cũng là thị trường xuất khẩu chủ yếu của táo Trung Quốc liên tục từ năm 2013 đến nay, mặc dù tỉ lệ trong tổng xuất khẩu không lớn bằng cam quýt, từ năm 2013-2019 dao động trên dưới 10%, nhưng hai năm trở lại đây tăng lên khoảng 15%.

Tuy nhiên, có sự khác biệt so với xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc đó là mặc dù Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn nhất của cam quýt Trung Quốc nhưng tỉ lệ này cao nhất mới chiếm khoảng 1/3 tổng xuất khẩu mặt hàng này trong năm, trong khi đó với nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam, thị trường Trung Quốc chiếm tỉ lệ quá lớn, lên đến 90% như mặt hàng thanh long, vải thiều... Điều đó



cho thấy Trung Quốc đã thực hiện đa dạng hóa thị trường tốt hơn, từ đó tránh được rủi ro khi phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường xuất khẩu.

*Bảng 1: Một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc sang Việt Nam (2012-2021)*

Năm	Táo			Cam quýt		
	Tổng xuất khẩu của Trung Quốc (tấn)	Xuất khẩu sang Việt Nam (tấn)	Tỉ trọng (%)	Tổng xuất khẩu của Trung Quốc (tấn)	Xuất khẩu sang Việt Nam (tấn)	Tỉ trọng (%)
2012				1.082.217,3	235.155,4	21,7
2013	994.664,0	81.556,5	8,1	1.041.421,4	177.271,4	17,0
2014	865.070,0	74.253,0	8,5	979.904,3	190.373,2	19,4
2015	833.017,5	86.076,3	10,3	920.513,2	163.372,1	17,7
2016	1.322.041,8	110.031,6	8,3	934.319,8	165.225,8	17,6
2017	1.334.636,4	105.669,0	7,9	775.228,1	164.706,5	21,2
2018	1.118.486,8	88.270,4	7,8	983.553,3	203.550,3	20,6
2019	971.146,2	113.273,5	11,6	1.013.842,0	180.435,0	17,79
2020	1.058.094,5	160.282,7	15,1	1.045.331,7	295.964,0	28,3
2021	1.078.352,2	180.509,5	16,7	917.698,5	321.677,9	35,05

*Nguồn:* Tính toán của tác giả theo số liệu tình hình 3 thị trường xuất khẩu trọng điểm trong năm của một số mặt hàng chủ lực, trong Báo cáo xuất khẩu nông sản tháng 12 hàng năm từ năm 2012-2021 của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc (<http://wms.mofcom.gov.cn>).

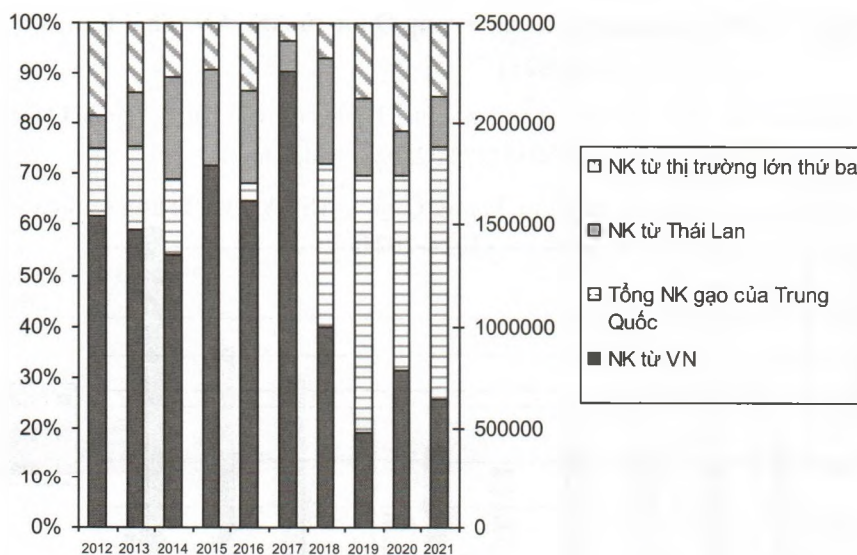
Về nhập khẩu nông sản từ Việt Nam của Trung Quốc, trong số 20 mặt hàng nông sản nhập khẩu chủ yếu của Trung Quốc như đã nêu trên, Việt Nam chỉ nằm trong 3 thị trường nhập khẩu chủ yếu của Trung Quốc ở một, hai mặt hàng là gạo và trái cây, khô tươi (năm 2012 có 1 mặt hàng là gạo, năm 2013 có 2 mặt hàng là gạo, trái cây tươi, khô và hạt), từ năm 2016 đến nay thêm một mặt hàng là bột cá làm thức ăn chăn nuôi.

Từ năm 2012-2021, Việt Nam luôn là một trong ba thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Trung Quốc (ngoài ra Thái Lan cũng là một trong ba thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Trung Quốc liên tục trong 10 năm qua, tiếp đến là Pakistan, tuy nhiên năm 2017 thay bằng Campuchia, năm 2020 thay bằng Myanmar). Trong 3 nước này, nhập khẩu gạo từ Việt Nam thường xuyên lớn nhất, từ năm 2012-2018 dao động ở mức 55-65% tổng nhập khẩu gạo của Trung Quốc, trong đó năm cao nhất là 65,2%

(năm 2012), nhưng từ năm 2019 đến nay giảm xuống, chỉ còn ở mức dưới 30%, năm 2021 còn 21,6%. Khối lượng nhập từ hai nước nhập khẩu chủ yếu khác như Thái Lan, Pakistan không tăng lên và cũng trong tình trạng bất ổn định. Từ số liệu cho thấy, Trung Quốc đã đa dạng hóa nguồn nhập khẩu, không phụ thuộc quá lớn vào các thị trường chủ yếu như những năm trước (năm 2012 lượng gạo nhập từ 3 thị trường lớn chiếm tới 98% tổng lượng nhập khẩu gạo của Trung Quốc, năm 2013-2013 khoảng 97%, năm 2015 là 94,6%, năm 2016 còn 92%, năm 2017 còn 89,2%, năm 2020 còn 69,8%, năm 2021 còn 53,9%) (xem biểu 1). Ngoài 3 nước Trung Quốc nhập khẩu gạo chủ yếu là Việt Nam, Thái Lan, Pakistan, gần đây có thêm Campuchia và Myanmar, trong đó năm 2020 nhập khẩu gạo từ Myanmar chiếm 30,9% tổng nhập khẩu gạo của Trung Quốc.

**Biểu 1: Nhập khẩu gạo của Trung Quốc từ ba thị trường lớn hàng đầu qua các năm (2012-2021)**

Đơn vị: Tấn



*Nguồn:* Tác giả lập theo số liệu Báo cáo xuất khẩu nông sản tháng 12 hàng năm của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc, <http://wms.mofcom.gov.cn>.

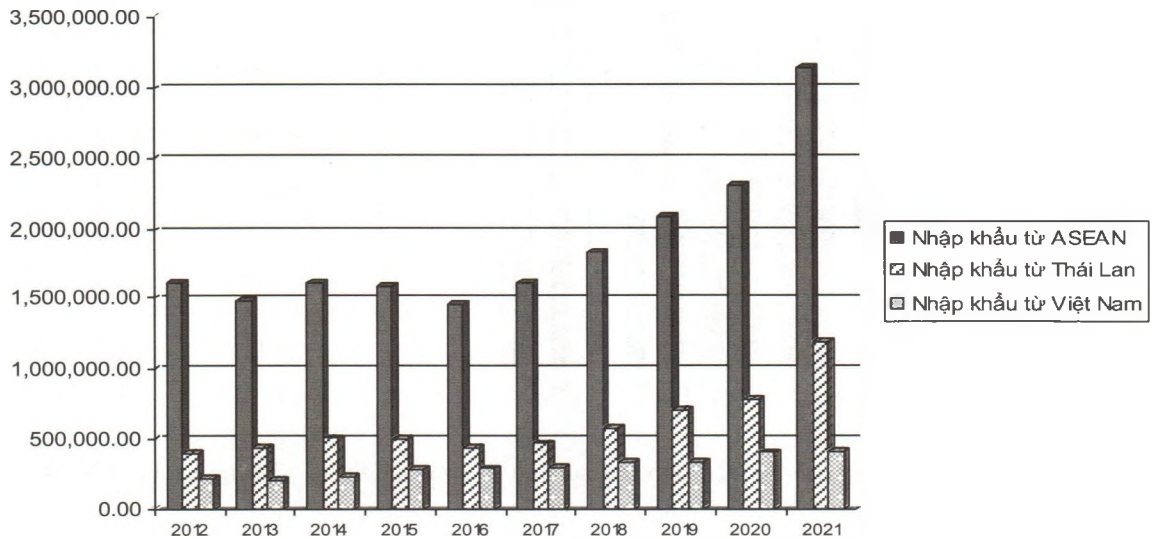
Tính theo khối lượng, mức tăng trưởng nhập khẩu gạo từ Việt Nam rất không ổn định, lên xuống thất thường, năm 2012 tăng trưởng 560% nhưng năm 2013, 2014 lại tăng trưởng âm, lần lượt là -4,4 và -8,6; năm 2017 tăng 39,9% nhưng năm 2018, 2019 lại liên tục tăng trưởng âm, lần lượt là -56,1% và -51,89%; năm 2020 và 2021 trở lại tăng trưởng với mức cao, lần lượt là 64,7% và 79,5%.

#### 4. So sánh với thương mại nông sản của Trung Quốc và Thái Lan

Ở đây, chúng tôi đi sâu so sánh với Thái Lan, nước giữ vị trí có kim ngạch thương mại nông sản với Trung Quốc lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á. Năm 2019, tổng kim ngạch thương mại nông sản Trung Quốc - Thái Lan lần đầu tiên đạt mốc 10 tỷ (10,691 tỷ USD), năm 2021 tăng lên mức 16,5 tỷ USD. Kim ngạch nông sản với Trung Quốc của Việt Nam có khoảng cách rất lớn so với Thái Lan (9,477 tỷ USD và 16,5 tỷ USD), đặc biệt là kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc (4,03 tỷ USD và 11,877 tỷ USD). Từ năm 2016 đến nay, nhập khẩu nông sản của Trung Quốc từ ASEAN nói chung và Thái Lan nói riêng đều tăng trưởng nhanh ổn định nhưng với Việt Nam gần như không có tăng trưởng đáng kể (xem Biểu 2). Năm 2021 lần đầu tiên nhập khẩu nông sản của Trung Quốc từ Thái Lan hay xuất khẩu nông sản của Trung Quốc sang Thái Lan đạt mức trên 10 tỷ USD, chiếm 37,7% xuất khẩu nông sản của cả khối ASEAN sang Trung Quốc (11,877 tỷ USD và 31,47 tỷ USD). Trong thương mại nông sản, Thái Lan là nước xuất siêu sang Trung Quốc, ngược lại với Việt Nam.

**Biểu 2: Nhập khẩu nông sản của Trung Quốc từ ASEAN, Thái Lan, Việt Nam (2012-2021)**

Đơn vị: 10.000 USD



*Nguồn:* Tác giả lập theo số liệu Báo cáo xuất khẩu nông sản tháng 12 hàng năm của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc, <http://wms.mofcom.gov.cn>.

Cụ thể, năm 2021, trong 30 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Trung Quốc, Thái Lan chỉ là một trong ba thị trường xuất khẩu chính của Trung Quốc đối với 2 mặt hàng là

lạc và bông (cùng với Việt Nam), trong khi Việt Nam lên đến 9 mặt hàng như đã nêu trên. Ngược lại, Thái Lan nằm trong top ba thị trường Trung Quốc nhập khẩu của nhiều mặt hàng hơn Việt Nam. Ngoài gạo giống như Việt Nam, Thái Lan còn có các mặt hàng sau: Thịt gà và sản phẩm phụ của nó, quả khô, tươi và hạt, dầu cọ. Như vậy, nông sản Việt Nam phải cạnh tranh trực tiếp với Thái Lan ở hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo; hoa quả tươi, khô và hạt.

Gạo là sản phẩm xuất khẩu truyền thống sang Trung Quốc của cả Việt Nam và Thái Lan trong nhiều năm qua, nhưng Việt Nam vượt trội, cao hơn Thái Lan về số lượng (số tấn gạo) trong tổng nhập khẩu gạo của Trung Quốc, năm 2020 là 26,7%, năm 2021 là 21,6%, trong khi cả hai năm Thái Lan đều ở mức 12%. Tuy nhiên, trị giá trung bình 1 tấn gạo của Việt Nam xuất sang Trung Quốc (năm 2020 là 573,78 USD, năm 2021 là 497,58 USD) thấp hơn của Thái Lan rõ rệt (lần lượt là 780,99 USD và 604,9 USD/tấn), chỉ bằng khoảng 73% (năm 2020) và 82,2% (năm 2021) giá trị một tấn gạo của Thái Lan.

Ở mặt hàng hoa quả tươi, khô và hạt, Thái Lan đang dẫn đầu trong xuất khẩu của các nước ASEAN sang Trung Quốc. Về số lượng, năm 2020 Thái Lan xuất khẩu sang Trung Quốc 1.613.438,10 tấn, chiếm 24,67% tổng nhập khẩu mặt hàng này của Trung Quốc (7.308.780,90 tấn), năm 2021 là 2.051.643,50 tấn, chiếm 28%; trong khi của Việt Nam năm 2020 là 1.260.211,00 tấn, chiếm 19,2%, năm 2021 là 1.285.765,80 tấn, chiếm 17,5%. Nhưng cũng như mặt hàng gạo, giá trị hàng xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc so với Thái Lan có sự chênh lệch khá lớn khi tính toán trung bình giữa số lượng và kim ngạch, về số lượng (tính theo tấn), nông sản xuất khẩu của Thái Lan sang Trung Quốc năm 2020 chỉ gấp 1,28 lần (1.613.438,10 tấn và 1.260.211,00 tấn) nhưng kim ngạch lại gấp đến 3,9 lần (3.841.869.000 USD và 969.456.000 USD); năm 2021 mức chênh lệch càng lớn hơn khi số lượng gấp 1,59 lần (2.051.643,50 tấn và 1.285.765,80 tấn) nhưng kim ngạch gấp 5,9 lần (6.207.599.000 USD và 1.049.649.000 USD)<sup>(8)</sup>. Cụ thể hơn, từ số liệu này có thể tính giá trị trung bình một tấn mặt hàng này xuất sang Trung Quốc như sau: Năm 2020 của Thái Lan trị giá 2381 USD/tấn, Việt Nam là 769,2 USD/tấn, năm 2021 của Thái Lan tăng lên là 3025,67 USD/tấn, còn của Việt Nam là 816,36 USD. Như vậy, về số lượng xuất khẩu hoa quả tươi, khô và hạt của Việt Nam sang Trung Quốc không thua kém Thái Lan quá nhiều nhưng giá trị hàng hóa thì lại có sự chênh lệch lớn, một tấn hoa quả của Việt Nam chỉ bằng 32,3% (năm 2020), 26,9% (năm 2021) giá trị một tấn của Thái Lan.

### **Kết luận**

Số liệu thống kê của phía Trung Quốc cho thấy, thương mại nông sản Việt - Trung có mức tăng trưởng thấp hơn nhiều so với thương mại nói chung giữa hai nước. Nếu

như từ năm 2012-2021 kim ngạch hai nước tăng gấp hơn 4 lần thì kim ngạch thương mại nông sản chỉ tăng hơn hai lần, cá biệt có năm mức tăng trưởng có sự chênh lệch lớn, thể hiện chiều hướng ngược nhau như năm 2013, năm 2021, tức là thương mại song phương tăng trưởng cao còn thương mại nông sản lại tăng trưởng với mức thấp. Từ năm 2019 đến nay, thương mại nông sản giữa hai nước chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 cả ở chiều xuất khẩu và nhập khẩu, khiến tăng trưởng của ba năm này thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

Kim ngạch thương mại nông sản với Việt Nam chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng xuất nhập khẩu nông sản của Trung Quốc, đồng thời cũng chiếm tỉ lệ nhỏ trong thương mại Trung - Việt và đang có chiều hướng giảm. Cũng như thương mại Việt - Trung nói chung, trong thương mại nông sản, Trung Quốc là nước xuất siêu và mức xuất siêu vẫn tiếp tục gia tăng. Tổng kim ngạch xuất siêu nông sản của Trung Quốc với Việt Nam 10 năm qua là trên 11 tỷ USD, Việt Nam là nước Đông Nam Á lục địa lớn duy nhất nhập siêu nông sản từ Trung Quốc còn lại các nước Đông Nam Á lục địa khác như Campuchia, Myanmar, Thái Lan, Lào đều xuất siêu liên tục nhiều năm sang Trung Quốc.

Trong 30 mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc, Việt Nam là một trong ba thị trường xuất khẩu lớn của nhiều mặt hàng và số lượng các mặt hàng này tăng lên trong những năm gần đây, năm 2012, mới chỉ có 4 mặt hàng thì từ năm 2014 đến nay duy trì từ 8-10 mặt hàng, trong đó có mặt hàng đứng đầu trong tổng lượng xuất khẩu của Trung Quốc (như cam quýt, táo) trong nhiều năm liền. Tuy nhiên, Trung Quốc đã thực hiện đa dạng hóa thị trường tốt hơn, từ đó tránh được rủi ro khi phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường xuất khẩu cho dù Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn nhất của một mặt hàng nông sản nhưng tỉ lệ này cao nhất mới chiếm khoảng 1/3 tổng xuất khẩu còn với nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam, thị trường Trung Quốc chiếm tỉ lệ quá lớn, lên đến 90% như mặt hàng thanh long, vải thiều... Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam với số lượng lớn ở ba mặt hàng là gạo, trái cây và bột cá làm thức ăn chăn nuôi. Tương tự như xuất khẩu, Trung Quốc đã đa dạng hóa nguồn nhập khẩu, không phụ thuộc quá lớn vào một vài thị trường nhập khẩu chủ yếu, trong đó có Việt Nam như những năm trước.

Mặc dù Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong các nước ASEAN nhưng kim ngạch thương mại nông sản của Trung Quốc với Việt Nam chỉ đứng thứ hai sau Thái Lan với khoảng cách ngày càng lớn, đặc biệt là kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc. Năm 2021 xuất khẩu nông sản của Trung Quốc sang Thái Lan đạt mức trên 10 tỷ USD. Từ năm 2016 đến nay, nhập khẩu nông sản của Trung Quốc từ ASEAN nói chung và Thái Lan nói riêng đều tăng trưởng nhanh ổn định nhưng với

Việt Nam gần như không có tăng trưởng đáng kể. Nông sản Việt Nam phải cạnh tranh trực tiếp với Thái Lan ở hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo và hoa quả, nhưng thực tế trị giá xuất khẩu tính trung bình theo khối lượng thấp hơn nhiều so với Thái Lan như trị giá trung bình 1 tấn gạo của Việt Nam chỉ bằng khoảng 73% (năm 2020) và 82,2% (năm 2021) giá trị một tấn gạo của Thái Lan; 1 tấn hoa quả của Việt Nam chỉ bằng 32,3% (năm 2020), 26,9% (năm 2021) giá trị một tấn của Thái Lan. Ngoài ra, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc đang đứng trước cạnh tranh không chỉ với các đối tác thương mại nông sản lớn truyền thống của Trung Quốc như Thái Lan mà còn với một số nước có mức tăng trưởng nhanh trong những năm gần đây như Campuchia, Myanmar, ở những mặt hàng xuất khẩu chủ lực như gạo, hoa quả.

\* Bài viết trong khuôn khổ Đề tài cấp Bộ *Thương mại nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh mới*.

### CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

(1) Báo cáo thống kê hàng tháng xuất nhập khẩu nông sản Trung Quốc tháng 12 năm 2012 công bố ngày 26/3/2013, năm 2013 công bố ngày 18/3/2014, năm 2014 công bố 23/4/2015, năm 2015 công bố ngày 22/4/2016, năm 2016 công bố 8/6/2017, năm 2017 công bố ngày 29/11/2018, năm 2018 công bố ngày, năm 2019 công bố ngày 17/1/2020, năm 2020 công bố ngày 29/1/2021, năm 2021 công bố ngày 15/2/2022 trên website của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc, <http://wms.mofcom.gov.cn>.

(2) Tổng cục hải quan Trung Quốc, <http://www.customs.gov.cn/customs/302249/302274/302277/3250487/index.html>

(3) Tính toán dựa trên số liệu thống kê năm 2012 và 2021, 中国农产品进出口月度统计报告 2012 年 12 月, [http://wms.mofcom.gov.cn/article/Nocategory/201305/2013050010\\_9313.shtml](http://wms.mofcom.gov.cn/article/Nocategory/201305/2013050010_9313.shtml); 中国农产品进出口月度统计报告 2021 年 12 月, <http://wms.mofcom.gov.cn/article/ztxx/ncpmy/ncpydtj/200603/20060301783733.shtml>

(4) 中国农产品进出口月度统计报告 2012 年 12 月, <http://wms.mofcom.gov.cn/article/Nocategory/201305/20130500109313.shtml>; 中国农产品进出口月度统计报告 2021 年 12 月, <http://wms.mofcom.gov.cn/article/ztxx/ncpmy/ncpydtj/200603/20060301783733.shtml>

(5) Tính toán của tác giả dựa trên số liệu thống kê hàng năm của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc, <http://wms.mofcom.gov.cn>.

(6) Tính toán của tác giả dựa trên số liệu thống kê của Vụ Thương mại đối ngoại, Bộ Thương nghiệp Trung Quốc, 中国农产品进出口月度统计报告 2021 年 12 月, <http://wms.mofcom.gov.cn/article/ztxx/ncpmy/ncpydtj/200603/20060301783733.shtml>

(7) 中国农产品进出口月度统计报告 2021 年 12 月, <http://wms.mofcom.gov.cn/article/ztxx/ncpmy/ncpydtj/200603/20060301783733.shtml>

(8) Tính toán dựa theo số liệu trong báo cáo 中国农产品进出口月度统计报告 2021 年 12 月, <http://wms.mofcom.gov.cn/article/ztxx/ncpmy/ncpydtj/200603/20060301783733.shtml>